



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1903**/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày **24** tháng **9** năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch hoạt động của Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cao nguyên
Kon Hà Nừng giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Kết quả tại kỳ họp lần thứ 33 Hội đồng Điều phối Quốc tế Chương trình Con người và Sinh quyển (MAB - ICC - International Coordinating Council of the Man and the Biosphere Programme) diễn ra từ ngày 13 – 17 tháng 9 năm 2021 tại thành phố Abuja, Nigeria về việc công nhận Khu Dự trữ sinh quyển thế giới Cao nguyên Kon Hà Nừng, tỉnh Gia Lai là Khu DTSQ thế giới;

Căn cứ Bằng Công nhận của Giám đốc Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hợp Quốc (UNESCO) ngày 15 tháng 9 năm 2021 về việc công nhận Khu Dự trữ sinh quyển thế giới Cao nguyên Kon Hà Nừng;

Căn cứ Quyết định số 311/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của UBND tỉnh Gia Lai về việc thành lập Ban Quản lý Khu dự trữ sinh quyển Cao nguyên Kon Hà Nừng, tỉnh Gia Lai; Quyết định số 1616/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 311/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của UBND tỉnh Gia Lai về việc thành lập Ban Quản lý Khu dự trữ sinh quyển Cao nguyên Kon Hà Nừng, tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 566/QĐ-UBND ngày 13 ngày 9 năm 2022 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành Quy chế quản lý Khu dự trữ sinh quyển Cao nguyên Kon Hà Nừng, tỉnh Gia Lai;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường (cơ quan thường trực Ban quản lý Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cao nguyên Kon Hà Nừng).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hoạt động của Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cao nguyên Kon Hà Nừng giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc: Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Ngoại vụ; Trưởng Ban quản lý Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cao nguyên Kon Hà Nừng; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực: Tỉnh ủy; HĐND (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Các Phó Trưởng BQL (theo QĐ311);
- Các thành viên BQL (theo QĐ311);
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- Chi cục Kiểm lâm;
- UBND các xã, phường;
- Các đơn vị chủ rừng;
- Lưu: VT, N5, N1. 

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đương Mah Tiệp

BIỂU TỔNG HỢP NỘI DUNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA KHU DỰ TRỮ SINH QUYỀN THỂ GIỚI CAO NGUYÊN KON HÀ NỪNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Kế hoạch hoạt động của Khu dự trữ sinh quyền thể giới Cao nguyên Kon Hà Nừng giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050)

STT	Nội dung hoạt động	Mục tiêu cụ thể	Đối tượng hưởng lợi	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)					Nguồn kinh phí	Ghi chú
						2026	2027	2028	2029	2030	Tổng	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
TỔNG KINH PHÍ						23.883	29.998	15.809	13.839	14.509	98.038	
I	Hoạt động bảo tồn											
1.1	Xây dựng hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu của Khu DTSQ	Thiết lập cơ chế tích hợp tự động/bán tự động dữ liệu từ hệ thống bản đồ và GIS, cho phép truy vấn và hiển thị trực tiếp trên bản đồ. Phát triển các mô-đun quản lý dữ liệu chuyên biệt như loài, quần thể, dự án nghiên cứu. Xây dựng công cụ truy vấn, bộ lọc thông minh, thống kê – báo cáo động và trực quan hóa dữ liệu đa nguồn. Thiết lập quy trình đảm bảo chất lượng dữ liệu từ khâu nhập, kiểm tra đến cập nhật. Đảm bảo an ninh hệ thống, sao lưu định kỳ và phân quyền truy cập linh hoạt.	Ban quản lý Khu DTSQ Cán bộ chuyên môn các lĩnh vực (ĐDSH, GIS, giám sát) Lực lượng Kiểm lâm Các nhà khoa học, viện nghiên cứu, trường đại học Cơ quan quản lý nhà nước các cấp: Các đối tác phát triển, tổ chức phi chính phủ Cộng đồng địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Trường Đại học Sư phạm - ĐH Đà Nẵng, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các địa phương, đơn vị có liên quan.	600	500	350	200	200	1.850	Ngân sách Nhà nước; Quỹ Khoa học và Công nghệ; Nguồn xã hội hóa
1.2	Đánh giá đa dạng sinh học các khu vực ngoài khu bảo tồn	Xây dựng cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học phục vụ cho mô hình OEMC	Các cơ quan quản lý đa dạng sinh học, chính quyền địa phương	PanNature	Sở Nông nghiệp và Môi trường	150	250	250	150	100	900	PanNature
1.3	Bảo tồn và phát huy âm nhạc truyền thống các dân tộc thiểu số trên địa bàn Khu dự trữ sinh quyền	Bảo tồn, khôi phục và phát huy giá trị âm nhạc truyền thống của các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Gia Lai nhằm giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân, giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ và thúc đẩy phát triển bền vững văn hóa – du lịch của tỉnh trong thời kỳ hội nhập.	Khu Dự trữ Sinh quyền Kon Hà Nừng.Các nhà khoa học, nhà nghiên cứu, trường đại học, viện nghiên cứu, Cộng đồng địa phương và đồng bào dân tộc sinh sống trong vùng lõi và vùng đệm.	Trường Đại học Sư phạm - ĐH Đà Nẵng	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Dân tộc và Tôn giáo, các địa phương, đơn vị có liên quan	700	700	500	500	500	2.900	Quỹ Khoa học và Công nghệ; Nguồn xã hội hóa
1.4	Xây dựng Hệ thống Mã vạch DNA phục vụ bảo tồn đa dạng sinh học tại Khu Dự trữ Sinh quyền Thế giới Cao nguyên Kon Hà Nừng	Xây dựng ngân hàng mã vạch DNA chuẩn cho các loài động vật, thực vật và nấm tại Khu DTSQ Kon Hà Nừng; Hỗ trợ xác định chính xác và nhanh chóng danh tính các loài, bao gồm cả loài quý hiếm, loài mới và loài xâm lấn; Làm cơ sở dữ liệu nền phục vụ bảo tồn, giám sát hệ sinh thái, nghiên cứu khoa học và quản lý tài nguyên thiên nhiên.	Ban Quản lý Khu Dự trữ Sinh quyền Kon Hà Nừng; Các nhà khoa học, nhà nghiên cứu, trường đại học, viện nghiên cứu; Cộng đồng địa phương và đồng bào dân tộc sinh sống trong vùng lõi và vùng đệm	Trường Đại học Sư phạm - ĐH Đà Nẵng	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trường Đại học Sư phạm - ĐH Đà Nẵng, Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh, Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chu Răng, các địa phương, đơn vị có liên quan	1.000	800	800	500	500	3.600	Quỹ Khoa học và Công nghệ; Nguồn xã hội hóa
1.5	Dự án “ Điều tra, lập kế hoạch bảo tồn và phát triển sử dụng bền vững lâm sản ngoài gỗ Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh”	Cập nhật dữ liệu ĐDSH và đề xuất bảo tồn	VQG Kon Ka Kinh	VQG Kon Ka Kinh	Các trường đại học; viện nghiên cứu, ...		2.000				2.000	Nguồn Xã hội hóa
1.6	Đề tài “ Bảo tồn và phát triển loài cây Giáng hương quả to (Pterocarpus macrocarpus) ở Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh”.	Bảo tồn ĐDSH	VQG Kon Ka Kinh	VQG Kon Ka Kinh	Các trường đại học; viện nghiên cứu, ...		1.500				1.500	Nguồn Xã hội hóa
1.7	Đề tài “ Bảo tồn loài Mang trường sơn ở Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh”	Bảo tồn ĐDSH	VQG Kon Ka Kinh	VQG Kon Ka Kinh	Các trường đại học; viện nghiên cứu, ...	1.500					1.500	Nguồn Xã hội hóa
1.8	Điều tra, Giám sát thú linh trưởng	Bảo tồn ĐDSH	VQG Kon Ka Kinh	VQG Kon Ka Kinh	Các trường đại học; viện nghiên cứu, ...		3.000				3.000	Nguồn Xã hội hóa
1.9	Điều tra, Giám sát thú móng vuốt nhỏ	Bảo tồn ĐDSH	VQG Kon Ka Kinh	VQG Kon Ka Kinh	Các trường đại học; viện nghiên cứu, ...		2.000				2.000	Nguồn Xã hội hóa
1.10	Điều tra xây dựng danh lục các loài cá tại Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh	Bảo tồn ĐDSH	VQG Kon Ka Kinh	VQG Kon Ka Kinh	Các trường đại học; viện nghiên cứu, ...	400					400	Nguồn Xã hội hóa
1.11	Điều tra hiện trạng phân bố và đề xuất các biện pháp bảo tồn, bảo vệ các loài Mèo gấm của Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh	Bảo tồn ĐDSH	VQG Kon Ka Kinh	VQG Kon Ka Kinh	Các trường đại học; viện nghiên cứu, ...	400					400	Nguồn Xã hội hóa
1.12	Hỗ trợ kỹ thuật bảo tồn thiên nhiên tại Vườn quốc gia Kon Ka Kinh, tỉnh Gia Lai.	Rừng, hệ sinh thái và động vật hoang dã tại VQG Kon Ka Kinh được bảo vệ bền vững	VQG Kon Ka Kinh, cộng đồng vùng đệm VQG Kon Ka Kinh	VQG Kon Ka Kinh	Các đối tác địa phương	2.314	2.314				4.628	FZS Viện trợ không hoàn lại
1.13	Bảo tồn văn hóa cộng đồng dân tộc thiểu số Khu Dự trữ Sinh quyền thế giới Cao nguyên Kon Hà Nừng gắn với du lịch học tập cộng đồng	- Khảo sát, đánh giá, bảo tồn các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của các nhóm thiểu số trong khu sinh quyền. - Phục dựng các giá trị VH thông qua hoạt động du lịch học tập cộng đồng	Cộng đồng dân tộc thiểu số sinh sống tại khu sinh quyền, Các cơ sở giáo dục, các đơn vị du lịch	Trường Đại học Sư phạm - ĐH Đà Nẵng	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Dân tộc và Tôn giáo, các địa phương, đơn vị có liên quan	1.500	1.500	1.000	1.000	1.000	6.000	Quỹ Khoa học và Công nghệ; Nguồn xã hội hóa

STT	Nội dung hoạt động	Mục tiêu cụ thể	Đối tượng hưởng lợi	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)					Tổng	Nguồn kinh phí	Ghi chú
						2026	2027	2028	2029	2030			
1.14	Mở rộng vùng lõi sang khu vực Khu BTTN An Toàn nhằm tăng cường khả năng bảo tồn đồng bộ vùng sinh thái liên vực Kon Ka Kinh - Kon Chư Răng-An Toàn	Khảo sát đánh giá hiện trạng, tiêu chí mở rộng vùng lõi	Khu DTSQ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan					500	500	Ngân sách Nhà nước	
II	Hoạt động phát triển										0		
2.1	Phát triển nguồn nhân lực	Hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý về môi trường của Khu DTSQTG Cao nguyên Kon Hà Nừng	Thành viên BQL Khu DTSQ lĩnh vực quản lý môi trường, thành viên Bộ phận giúp việc	Ban quản lý Khu DTSQTG Cao nguyên Kon Hà Nừng (Sở Nông nghiệp và Môi trường)	Các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan		80				80	FZS Viện trợ không hoàn lại	<i>Căn cứ theo Văn kiện dự án, biên bản tài trợ và triển khai hoạt động hàng năm giữa BOL và FZS</i>
2.2	Phát triển nguồn nhân lực cho cộng đồng dân tộc thiểu số trong hoạt động bảo tồn văn hóa truyền thống, sinh thái rừng gắn với sinh kế bền vững tại Khu DTSQTG Cao nguyên Kon Hà Nừng	Nâng cao năng lực trong nhận thức về bảo vệ văn hóa, sinh thái rừng; Nâng cao năng lực trong phát triển sinh kế xanh gắn với bảo tồn văn hóa; Tuyên truyền, vận động các cộng đồng thiểu số bảo vệ văn hóa và sinh thái gắn với sinh kế xanh	Cộng đồng các dân tộc thiểu số sinh sống trong Khu dự trữ sinh quyển	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Trường Đại học Sư phạm - ĐH Đà Nẵng, Sở Dân tộc và Tôn giáo, Sở Nông nghiệp và Môi trường, các đơn vị, địa phương có liên quan	700	700	700	700	700	3.500	Nguồn Ngân sách Nhà nước; Quỹ Khoa học và Công nghệ, Nguồn xã hội hóa	
2.3	Ứng dụng công nghệ GIS - Viễn thám kết hợp UAV - LiDAR trong ước tính và dự báo sinh khối và trữ lượng carbon của rừng tự nhiên tại Khu dự trữ Kon Hà Nừng.	- Lập được bản đồ sinh khối và trữ lượng carbon trong rừng tự nhiên Kon Hà Nừng góp phần xây dựng được cơ sở dữ liệu về lượng carbon lưu trữ trong rừng tự nhiên có tiềm năng cấp tín chỉ carbon đáp ứng yêu cầu của Đề án phát triển thị trường carbon ở Việt Nam. - Đánh giá được sự biến động sinh khối và carbon theo thời gian tại Kon Hà Nừng - Xây dựng được các mô hình dự báo sinh khối và carbon dựa trên mô hình học máy - Đánh giá được tiềm năng phát triển các dự án bảo tồn và giám phát thải carbon tại Kon Hà Nừng phục vụ cho việc xác thực carbon theo tiêu chuẩn quốc tế và thị trường tín chỉ carbon.	- Các chủ rừng VQG Kon Ka Kinh, Khu bảo tồn Thiên nhiên Kon Chư Răng '- Cơ quan quản lý: Chi cục Kiểm Lâm, Sở NN&PTNT... sử dụng công nghệ UAV LiDAR và viễn thám trong nghiên cứu này sẽ giúp giám sát chính xác lượng carbon trong rừng, từ đó đảm bảo tính minh bạch và chính xác trong việc cấp tín chỉ carbon làm nền tảng cho việc giao dịch tín chỉ carbon trên thị trường carbon quốc gia và quốc tế. '- Các cộng đồng sống gần khu vực Kon Hà Nừng sẽ hưởng lợi từ DVMTR, phát triển du lịch sinh thái và du lịch cộng đồng, '- Các dự án bảo tồn REDD+ ,... có thể sử dụng kết quả nghiên cứu để xác định tiềm năng giảm phát thải carbon thông qua bảo vệ rừng tự nhiên tại Kon Hà Nừng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trường Đại học Lâm nghiệp, các đơn vị, địa phương có liên quan.					1.000	1.000	Ngân sách Nhà nước	
2.4	Hỗ trợ các mô hình khu vực bảo tồn do cộng đồng quản lý theo OECMs.	Hỗ trợ 3-5 cộng đồng xây dựng mô hình OECM trong Khu DTSQ	Cộng đồng địa phương	PanNature	Chi cục Lâm nghiệp - Kiểm lâm	200	200	200	200	200	1.000	PanNature	
2.5	Trồng cây phân tán và nông lâm kết hợp trong khu vực vùng đệm	Mở rộng diện tích che phủ, tăng sinh kế bền vững cho cộng đồng, giảm phát thải khí nhà kính	Cộng đồng, chính quyền địa phương, tỉnh Gia Lai	PanNature	Face the Future, Sở Nông nghiệp và Môi trường	2.000	6.000	7.000	7.000	7.000	29.000	Nguồn Xã hội hóa	Kinh phí tạm tính do dự án dự kiến thực hiện ở nhiều địa bàn khác nhau, bao gồm cả vùng đệm Khu DTSQ
2.6	Phục hồi rừng sau nương rẫy trong khu vực vùng đệm	Tăng độ che phủ, phục hồi lại rừng tự nhiên	Cộng đồng và chính quyền địa phương	PanNature	Sở Nông nghiệp và Môi trường	300	400	500	500	400	2.100	Nguồn Xã hội hóa	
2.7	Thúc đẩy chuyển đổi sản xuất bền vững về bảo tồn đa dạng sinh học và phục hồi sinh thái	Hỗ trợ một số ngành sản xuất nông lâm nghiệp chuyển đổi theo hướng bền vững	Các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất nông lâm nghiệp	PanNature	Sở Nông nghiệp và Môi Trường	200	300	300	300	200	1.300	PanNature	
2.8	Triển khai thí điểm chương trình sinh kế bền vững trong Khu DTSQ	Xây dựng các mô hình sản xuất, tạo sinh kế bền vững cho cộng đồng, giảm phụ thuộc vào rừng	Cộng đồng	PanNature	Sở Nông nghiệp và Môi Trường	400	500	500	400	400	2.200	Nguồn Xã hội hóa	
2.9	Mời chuyên gia và xây dựng “Đề án tổng thể phát triển du lịch sinh thái Khu DTSQ Kon Hà Nừng”.	Phát huy giá trị cảnh quan thiên nhiên, đa dạng sinh học, bản sắc văn hoá bản địa các dân tộc..., đồng thời khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế của vùng lõi Khu DTSQ để thu hút kêu gọi đầu tư thuê môi trường rừng để phát triển du lịch kết hợp với khai thác du lịch vùng đệm, tạo ra các sản phẩm du lịch đặc trưng, sản phẩm du lịch đa dạng...	Các địa phương, đơn vị chủ rừng, và cộng đồng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Nông nghiệp và Môi Trường, các địa phương, đơn vị có liên quan	950					950	Ngân sách Nhà nước	

STT	Nội dung hoạt động	Mục tiêu cụ thể	Đối tượng hưởng lợi	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)					Tổng	Nguồn kinh phí	Ghi chú
						2026	2027	2028	2029	2030			
2.10	Xây dựng và phát triển nhãn hiệu sinh thái cho các sản phẩm Kon Hà Nừng	Mục tiêu tổng quát: Xây dựng và phát triển nhãn hiệu sinh thái cho các sản phẩm đặc trưng của khu dự trữ sinh học Kon Hà Nừng, thúc đẩy nâng cao giá trị sản phẩm, thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững gắn kết với bảo tồn thiên nhiên và văn hóa bản địa. Mục tiêu cụ thể: - Khảo sát và đánh giá thực tế sản phẩm tiềm năng tại khu dự trữ sinh học Kon Hà Nừng - Lựa chọn sản phẩm phù hợp để xây dựng nhãn sinh thái (Các sản phẩm chế biến từ sâm đá, sâm khô, nấm dược liệu...) - Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến việc xây dựng và phát triển nhãn hiệu sinh thái. Đề xuất mô hình và giải pháp xây dựng, quản lý và quảng bá hiệu quả nhãn hiệu sinh thái của địa phương.	Chính quyền địa phương; Người dân địa phương, đặc biệt là người dân vùng đệm	Sở Khoa học và Công nghệ	Trường Đại học Sư phạm - ĐH Đà Nẵng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Trường Đại học Sư phạm - ĐH Đà Nẵng, các địa phương có liên quan.	900	900	700			2.500	Ngân sách Nhà nước; Quỹ Khoa học và Công nghệ; Nguồn xã hội hóa	
2.11	Chương trình phát triển giá trị đa dụng của rừng	Phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng	VQG Kon Ka Kinh; Cộng đồng vùng đệm; chính quyền địa phương	VQG Kon Ka Kinh	Các đơn vị liên quan	5.000	1.500	100	500		7.100	Nguồn Xã hội hóa	
2.12	Hỗ trợ đào tạo, phục hồi nghề truyền thống và phục dựng văn hóa bản địa	Khôi phục văn hóa bản địa và phát triển sinh kế cộng đồng địa phương	Cộng đồng địa phương vùng đệm VQG	VQG Kon Ka Kinh	Các đơn vị liên quan	500	500				1.000	Nguồn Xã hội hóa	
III	Hoạt động hỗ trợ, nghiên cứu, giáo dục, đào tạo										0		
3.1	Thăm quan, học tập, chia sẻ kinh nghiệm với các Khu DTSQTG trong và ngoài nước và các đối tác khác	Giúp kết nối, học tập và trao đổi kinh nghiệm với các đối tác trong và ngoài nước nhằm thực hiện các mục tiêu theo các chức năng của Khu DTSQ	Thành viên BQL Khu DTSQ, thành viên Bộ phận giúp việc	Ban quản lý Khu DTSQTG Cao nguyên Kon Hà Nừng (Sở Nông nghiệp và Môi trường)	Các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan	120	55	55	55	55	340	FZS Viện trợ không hoàn lại	Căn cứ theo Văn kiện dự án, biên bản tài trợ và triển khai hoạt động hàng năm giữa BQL và FZS
3.2	Tập huấn nâng cao năng lực cho giáo viên các cấp học về giảng dạy nội dung bảo tồn thiên nhiên cho học sinh	-Nâng cao năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm về bảo tồn thiên nhiên cho GV THCS và PTTH nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới của CT GDPT 2018; -Tích hợp truyền thống về đa dạng sinh học, giáo dục bảo vệ môi trường Cao nguyên Kon Hà Nừng trong chương trình giáo dục phổ thông 2018	Giáo viên, học sinh tại Khu DTSQ	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường Đại học Sư phạm - ĐH Đà Nẵng, Sở Nông nghiệp và Môi trường; Hội động vật học Frankfurt tại Việt Nam, các đơn vị, địa phương có liên quan	200	200	200	200	200	1.000	Nguồn ngân sách nhà nước; Nguồn xã hội hóa	
3.3	Hỗ trợ đào tạo chuyên sâu về động, thực vật, phục vụ, công tác bảo tồn; ham gia tập huấn về công tác cứu hộ, bảo tồn các loài động thực vật; Hỗ trợ đào tạo cán bộ nghiên cứu sau đại học; Tập huấn công nghệ GIS cho cán bộ phòng KH&HTQT và lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng; Đào tạo nâng cao trình độ tiếng anh cho cán bộ của VQG; Học tiếng Ba na; Đào tạo về nuôi cây mô	Nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ thuật và ngoại ngữ cho cán bộ Vườn quốc gia, lực lượng bảo vệ rừng và các bên liên quan.	Cán bộ VQG Kon Ka Kinh	VQG Kon Ka Kinh	Các đơn vị liên quan	530	280	300	280		1.390	Nguồn Xã hội hóa	
3.4	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ nuôi cấy mô tế bào trong bảo tồn và phát triển các nguồn gene thực vật tại Khu dự trữ sinh quyển Kon Hà Nừng	Bảo tồn các nguồn gene thực vật có nguy cơ tuyệt chủng và phát triển các nguồn gene có giá trị kinh tế bằng kỹ thuật nuôi cấy mô	Khu dự trữ sinh quyển Kon Hà Nừng; Cộng đồng địa phương	Ban quản lý Khu DTSQTG Cao nguyên Kon Hà Nừng (Sở Nông nghiệp và Môi trường)	Sở Khoa học và Công nghệ, Trường Đại học Sư phạm - ĐH Đà Nẵng, Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh, Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng	700	700	700	700	700	3.500	Ngân sách Nhà nước; Quỹ Khoa học và Công nghệ; Nguồn xã hội hóa	
3.5	Nghiên cứu Bảo tồn loài Vượn đen má vàng Bắc	Bảo tồn loài Vượn đen má vàng Bắc tại khu vực Kon Hà Nừng	Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng	Khu BTTN Kon Chư Răng		715	715				1.430	FZS Viện trợ không hoàn lại	

STT	Nội dung hoạt động	Mục tiêu cụ thể	Đối tượng hưởng lợi	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)					Tổng	Nguồn kinh phí	Ghi chú
						2026	2027	2028	2029	2030			
3.6	Nghiên cứu, phát triển và bảo tồn loài sấm bản địa ở Kon Pne	Bảo tồn loài, phát triển thành sản phẩm địa phương	Cộng đồng và chính quyền địa phương ở Kon Pne (Kbang)	PanNature	Sở Nông nghiệp và Môi trường	300	350	400	200	200	1.450	PanNature, huy động từ doanh nghiệp	
3.7	Nghiên cứu xu hướng biến đổi đời sống tôn giáo, tín ngưỡng của các dân tộc thiểu số ở Khu dự trữ sinh quyển Cao nguyên Kon Hà Nừng trong bối cảnh hiện nay	Phân tích thực trạng và làm rõ xu hướng biến đổi trong đời sống tôn giáo, tín ngưỡng của các dân tộc thiểu số tại tỉnh Gia Lai trong bối cảnh kinh tế - xã hội, văn hóa và thông tin truyền thông hiện nay; từ đó xác định các yếu tố tác động, định hướng giải pháp bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống, đồng thời đảm bảo ổn định xã hội và phát triển bền vững khu vực dân tộc thiểu số.	Khu Dự trữ Sinh quyển Kon Hà Nừng, Các nhà khoa học, nhà nghiên cứu, trường đại học, viện nghiên cứu, Cộng đồng địa phương và đồng bào dân tộc sinh sống trong vùng lõi và vùng đệm	Trường Đại học Sư phạm - ĐH Đà Nẵng	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Dân tộc và Tôn giáo, Trường Đại học Sư phạm - ĐH Đà Nẵng, các địa phương, đơn vị có liên quan		700	700			1.400	Quỹ Khoa học và Công nghệ; Nguồn xã hội hóa	
3.8	Nghiên cứu phát triển mô hình du lịch cộng đồng kết hợp giáo dục chuyển đổi số cho thanh niên dân tộc thiểu số tại tỉnh Gia Lai	Xây dựng và đề xuất mô hình du lịch cộng đồng gắn với giáo dục kỹ năng chuyển đổi số phù hợp với điều kiện thực tiễn tại tỉnh Gia Lai, nhằm nâng cao năng lực, tạo sinh kế bền vững và thúc đẩy sự tham gia chủ động của thanh niên dân tộc thiểu số trong phát triển kinh tế – xã hội và bảo tồn văn hóa địa phương trong kỷ nguyên số.	Khu Dự trữ Sinh quyển Kon Hà Nừng, Các nhà khoa học, nhà nghiên cứu, trường đại học, viện nghiên cứu, Cộng đồng địa phương và đồng bào dân tộc sinh sống trong vùng lõi và vùng đệm	Trường Đại học Sư phạm - ĐH Đà Nẵng	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Dân tộc và Tôn giáo, các địa phương, đơn vị có liên quan	700	700				1.400	Quỹ Khoa học và Công nghệ; Nguồn xã hội hóa	
3.9	Nghiên cứu tiếp cận sinh thái cảnh quan trong hệ thống nông lâm nghiệp	Áp dụng phân tích cảnh quan nông lâm nghiệp để đưa ra quy hoạch phát triển theo nhiều mục tiêu, phát huy được ưu thế của địa phương	Cộng đồng, chính quyền địa phương	PanNature	Sở Nông nghiệp và Môi trường , các đơn vị nghiên cứu khoa học	150	150	100	0	0	400	PanNature	
4	Hoạt động quản trị, thể chế và giám sát tổng hợp										0		
4.1	Xây dựng dự thảo Quyết định điều chỉnh Quyết định số 311/QĐ-UBND ngày 26/4/2022 của UBND tỉnh Gia Lai về việc thành lập Ban Quản lý Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cao nguyên Kon Hà Nừng, tỉnh Gia Lai	Điều chỉnh cho phù hợp với việc sắp xếp, sáp nhập các sở ngành, địa phương	BQL KDTSTQG Cao nguyên Kon Hà Nừng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở ngành, địa phương, đơn vị có liên quan	0					0		
4.2	Xây dựng báo cáo đánh giá định kỳ 5 năm	Báo cáo UBQG UNESCO, MAB Việt Nam, UBND tỉnh đánh giá Kết quả hoạt động 5 năm từ khi được UNESCO công nhận là Khu DTSQTG	BQL KDTSTQG Cao nguyên Kon Hà Nừng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở ngành, địa phương, đơn vị có liên quan	0					0		
4.3	Xây dựng kế hoạch quản lý và bảo vệ môi trường	a) Mục tiêu chung: Xây dựng Kế hoạch quản lý và bảo vệ môi trường Khu dự trữ sinh quyển thế giới giai đoạn 5 năm. b) Mục tiêu cụ thể: - Đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh, di tích lịch sử - văn hóa Khu dự trữ sinh quyển thế giới Kon Hà Nừng, làm cơ sở nhận định các thuận lợi, khó khăn và thách thức trong kế hoạch quản lý. - Xác định các nguy cơ tác động đến môi trường, cảnh quan thiên nhiên và đa dạng sinh học trong Khu dự trữ sinh quyển thế giới Kon Hà Nừng. - Đề xuất các hoạt động, chương trình quản lý, bảo vệ môi trường, bảo vệ thiên nhiên và đa dạng sinh học trong Khu dự trữ sinh quyển thế giới Kon Hà Nừng. - Đưa ra được kế hoạch phục hồi, phát huy giá trị Khu dự trữ sinh quyển thế giới Kon Hà Nừng.	Khu Dự trữ sinh quyển Kon Hà Nừng, cộng đồng địa phương, doanh nghiệp du lịch, chính quyền địa phương, các tổ chức bảo tồn, các tổ chức quốc tế, và các nhà nghiên cứu.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	BQL Khu DTSQTG Cao Nguyên Kon Hà Nừng; Trường Đại học Lâm nghiệp, các đơn vị, địa phương có liên quan	150					150	Ngân sách Nhà nước	
4.4	Xây dựng quy chế quản lý và bảo vệ môi trường Khu dự trữ sinh quyển thế giới Kon Hà Nừng.	a) Mục tiêu chung: Xây dựng quy chế quản lý và bảo vệ môi trường cho Khu dự trữ sinh quyển Kon Hà Nừng nhằm bảo vệ đa dạng sinh học, phát triển bền vững và quản lý hiệu quả các tài nguyên thiên nhiên trong khu vực. b) Mục tiêu cụ thể: Xây dựng quy định quản lý về các hoạt động phát triển, du lịch sinh thái, và khai thác tài nguyên thiên nhiên trong khu dự trữ sinh quyển. Đảm bảo sự tham gia của cộng đồng và các bên liên quan trong việc bảo vệ và phát triển khu dự trữ sinh quyển. Xác định các biện pháp quản lý môi trường và giám sát tác động của các hoạt động con người đến môi trường sinh thái.	Khu Dự trữ sinh quyển Kon Hà Nừng, cộng đồng địa phương, doanh nghiệp du lịch, chính quyền địa phương, các tổ chức bảo tồn, các tổ chức quốc tế, và các nhà nghiên cứu.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	BQL Khu DTSQTG Cao Nguyên Kon Hà Nừng; Trường Đại học Lâm nghiệp, các đơn vị, địa phương có liên quan	150					150	Ngân sách Nhà nước	
4.5	Xây dựng Kế hoạch hoạt động Khu DTSQ giai đoạn 2031 - 2035	Tổ chức Hội thảo khoa học, định hướng xây dựng Kế hoạch hoạt động Khu DTSQ giai đoạn 2031 - 2035	BQL KDTSTQG Cao nguyên Kon Hà Nừng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan.					200	200	NSNN	
4.6	Tổ chức hội nghị định kỳ năm nhằm đánh giá công tác triển khai thực hiện và xây dựng chương trình hành động cho kỳ tiếp theo.	Đánh giá kết quả thực hiện định hướng hoạt động cho thời gian đến	KDTSTQG Cao nguyên Kon Hà Nừng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan.	25	25	25	25	25	125	Ngân sách Nhà nước	

STT	Nội dung hoạt động	Mục tiêu cụ thể	Đối tượng hưởng lợi	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Khái toán kinh phí (Triệu đồng)					Tổng	Nguồn kinh phí	Ghi chú
						2026	2027	2028	2029	2030			
4.7	Hoạt động quản lý của Ban Quản lý Khu DTSQ Kon Hà Nừng (Công tác phí, văn phòng phẩm, tham gia Hội thảo, chuỗi hoạt động UNESCO, MAB Việt Nam, Mạng lưới các khu DTSQTG miền núi và Mạng lưới các Khu DTSQTG tại Việt nam, tập huấn...).	Tham gia các khoản chi phí thường xuyên trong năm	BQL KDTSQTG Cao nguyên Kon Hà Nừng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan.	200	200	200	200	200	1.000	Ngân sách Nhà nước	
5	Hoạt động truyền thông, quảng bá và hợp tác quốc tế										0		
5.1	Hoạt động tổ chức tuyên truyền, phổ biến về Khu DTSQ Kon Hà Nừng; Hoạt động bảo vệ môi trường, bảo tồn và phát triển bền vững Khu DTSQTG Cao nguyên Kon Hà Nừng	Tổ chức các đợt tuyên truyền và phổ biến, giáo dục pháp luật cho người dân, cộng đồng dân cư sinh sống trong khu vực Khu DTSQ Kon Hà Nừng trong việc bảo tồn di sản thiên cấp quốc gia đặc biệt, các di sản văn hóa tại địa phương, bảo vệ rừng và bảo tồn đa dạng sinh học; Quảng bá thông tin về Khu DTSQ qua các nền tảng mạng xã hội; Tổ chức lực lượng thường xuyên tuần tra, kiểm tra, canh gác để kịp thời ngăn chặn các hành vi xâm phạm đến tài nguyên rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng.	Công chúng, Khu DTSQTG Cao nguyên Kon Hà Nừng	Các sở ngành, địa phương, đơn vị có liên quan	Các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan						0		<i>Tổ chức lồng ghép vào kế hoạch tuyên truyền của các đơn vị</i>
5.2	Hoạt động truyền thông, quảng bá giá trị của Khu DTSQ Kon Hà Nừng đến người dân trong và ngoài tỉnh Gia Lai	Hỗ trợ Ban quản lý và Ban thư ký nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động truyền thông, quảng bá giá trị của Khu DTSQ Kon Hà Nừng đến người dân trong và ngoài tỉnh Gia Lai	Ban quản lý Khu DTSQ, các bên liên quan thuộc Khu DTSQ	Ban quản lý Khu DTSQTG Cao nguyên Kon Hà Nừng (Sở Nông nghiệp và Môi trường)	Các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan	34	34	34	34	34	170	FZS Viện trợ không hoàn lại	<i>Căn cứ theo Văn kiện dự án, biên bản tài trợ và triển khai hoạt động hàng năm giữa BOL và FZS</i>
5.3	Hội thảo định kỳ của Khu DTSQ	Đảm bảo việc tổ chức hội thảo lấy ý kiến các chuyên gia, các nhà khoa học, các nhà quản lý về các chủ đề phát triển bền vững, dịch vụ hệ sinh thái, tín chỉ cacbon, du lịch sinh thái bền vững nhằm xây dựng kế hoạch quản lý 05 năm và kế hoạch hoạt động hằng năm	Ban quản lý Khu DTSQ	Ban quản lý Khu DTSQTG Cao nguyên Kon Hà Nừng (Sở Nông nghiệp và Môi trường)	Các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan	50	100	50	50	50	300	FZS Viện trợ không hoàn lại	<i>Căn cứ theo Văn kiện dự án, biên bản tài trợ và triển khai hoạt động hàng năm giữa BOL và FZS</i>
5.4	Thiết kế, in ấn tranh, lịch, tờ rơi tuyên truyền về Khu DTSQ Kon Hà Nừng, tỉnh Gia Lai.	Quảng bá KDTSQ cho các hộ gia đình, cộng đồng dân cư, du khách trong và ngoài nước	KDTSQTG Cao nguyên Kon Hà Nừng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan.	100	100	100	100	100	500	Ngân sách Nhà nước	
5.5	Duy trì máy chủ ảo hóa SmartCloud cài đặt trang website Khu DTSQ Kon Hà Nừng	Duy trì máy chủ ảo hóa SmartCloud cài đặt trang website Khu DTSQ Kon Hà Nừng	KDTSQTG Cao nguyên Kon Hà Nừng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan.	45	45	45	45	45	225	Ngân sách Nhà nước	